

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDC

TÊN HỌC PHẦN:

ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

HỌC KỲ

3

MÃ HỌC PHẦN :

GLY - 291

TÍN CHỈ

2

Ngày thi:

30/01/2010

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
					10			10		20	10		50	100			
1	142210189	BÙI NGỌC	HIẾU	T14XDC	5.5			6.5		7	5		6	6.1	Sầu pháy Mất		
2	142210211	NGUYỄN QUANG	KHƯƠNG	T14XDC	10			7.5		8.5	7.5		5.5	7.0	Báý		
3	142210237	PHẠM NHƯ	QUẢN	T14XDC	5.5			6.5		7	4.5		4.5	5.3	Nằm pháy Ba		
4	142210890	ĐOÀN CÔNG	THÀNH	T14XDC	7			6.5		7.5	4.5		7	6.8	Sầu pháy Tầm		
5	142220292	HUỖNH NGỌC	ANH	T14XDC	9			7		7	7		DC	0.0	Khăng		
6	142220293	NGÔ VĂN	ANH	T14XDC	8			6		6	6		5	5.7	Nằm pháy Báý		
7	142220294	NGUYỄN THẾ	BÌNH	T14XDC	9			0		6.5	0		4.5	4.5	Bấ pháy Nằm		
8	142220295	PHẠM VĂN	BÌNH	T14XDC	9			7		6	7		6.5	6.8	Sầu pháy Tầm		
9	142220296	TRƯỜNG QUANG	CẢNH	T14XDC	10			7.5		6	7		DC	0.0	Khăng		
10	142220298	LÊ ĐỨC	CƯỜNG	T14XDC	9			6		7	6		5	6.0	Sầu		
11	142220299	ĐOÀN VĂN	DANH	T14XDC	5.5			6.5		5	4		4	4.6	Bấ pháy Sầu		
12	142220300	NGUYỄN TRÌNH	DIỄN	T14XDC	6.5			6.5		7	5		7	6.7	Sầu pháy Báý		
13	142220301	NGÔ QUANG	ĐỊNH	T14XDC	10			7.5		7.5	7.5		7.5	7.8	Báý pháy Tầm		
14	142220303	NGUYỄN KIM	DŨNG	T14XDC	10			6		6.5	5		4	5.4	Nằm pháy Bấ		
15	142220304	LÊ VĂN	DƯƠNG	T14XDC	10			6.5		6	4.5		4.5	5.6	Nằm pháy Sầu		
16	142220305	NGUYỄN SINH	DUY	T14XDC	5.5			6.5		8	5		5	5.8	Nằm pháy Tầm		
17	142220306	NGUYỄN THẾ	HẢI	T14XDC	10			7		7	7		7	7.3	Báý pháy Ba		
18	142220307	DƯƠNG	HẢI	T14XDC	7			7		6.5	4.5		3	4.7	Bấ pháy Báý		
19	142220308	NGUYỄN HỮU	HẢI	T14XDC	10			7		7.5	7		6.5	7.2	Báý pháy Hai		
20	142220309	PHAN	HÀO	T14XDC	9			7		8.5	7		6	7.0	Báý		
21	142220310	HUỖNH VĂN	HIỆP	T14XDC	10			7.5		7	8		7	7.5	Báý pháy Nằm		
22	142220311	PHAN	HIẾU	T14XDC	7			7		7.5	7		3	5.1	Nằm pháy Mất		
23	142220312	VÕ VĂN	HÙNG	T14XDC	10			7		7	8		DC	0.0	Khăng		
24	142220313	ĐOÀN CÔNG	HUY	T14XDC	7			6.5		6.5	6.5		6.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
25	142220314	TRẦN CÔNG	KHOA	T14XDC	10			8		1	7		6.5	6.0	Sầu		
26	142220315	LÊ NGUYỄN	LÂM	T14XDC	3			6		6	6		2	3.7	Ba pháy Báý		
27	142220316	NGUYỄN BÁ	LÂM	T14XDC	10			7		7.5	7		4	5.9	Nằm pháy Chên		
28	142220317	DƯƠNG TẤN	LĨNH	T14XDC	1			6.5		5	6.5		1	2.9	Hai pháy Chên		
29	142220318	NGUYỄN HỒNG	LỊNH	T14XDC	9			6		7	6.5		5.5	6.3	Sầu pháy Ba		
30	142220319	CAO VĂN	LƯƠNG	T14XDC	10			7		7	0		7	6.6	Sầu pháy Sầu		
31	142220320	NGUYỄN VĂN	LÝ	T14XDC	1			0		0	0		V	0.0	Khăng		
32	142220321	NGUYỄN VĂN	MẠNH	T14XDC	6.5			7		7	5		6	6.3	Sầu pháy Ba		
33	142220322	NGUYỄN HOÀI	NAM	T14XDC	10			7.5		7	7.5		4	5.9	Nằm pháy Chên		
34	142220325	TRẦN HOÀNG	NHÂN	T14XDC	6.5			6		6	5		0.5	3.2	Ba pháy Hai		
35	142220326	PHAN TẤN	NHÂN	T14XDC	1			0		4	0		V	0.0	Khăng		
36	142220327	HỒ XUÂN	NHẬT	T14XDC	10			7.5		7.5	8		6	7.1	Báý pháy Mất		
37	142220328	HUỖNH NGỌC	NINH	T14XDC	5			6.5		6	6		4	5.0	Nằm		
38	142220330	CAO ĐỨC	PHƯỚC	T14XDC	5.5			5		6.5	5		3	4.4	Bấ pháy Bấ		
39	142220332	HUỖNH CÔNG	QUANG	T14XDC	4			0		7	0		2	2.8	Hai pháy Tầm		
40	142220333	NGUYỄN MINH	QUYỀN	T14XDC	9			7.5		6	0		3	4.4	Bấ pháy Bấ		
41	142220334	TRẦN NGỌC	SÂM	T14XDC	6			7.5		5	7		5	5.6	Nằm pháy Sầu		
42	142220335	NGUYỄN TRUNG	SON	T14XDC	9			7		6.5	7		3	5.1	Nằm pháy Mất		
43	142220336	NGUYỄN NGỌC	SON	T14XDC	10			7.5		6.5	7		6.5	7.0	Báý		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDC

TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH
MÃ HỌC PHẦN : GLY - 291

HỌC KỲ 3
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 30/01/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ		CHỮ
					10			10		20	10		50	100		
44	142220337	PHAN VĂN	TÂY	T14XDC	6			6.5		7	5		5.5	5.9	Nằm pháp Chén	
45	142220338	NGUYỄN CAO	THẠCH	T14XDC	7			6.5		5	4		6	5.8	Nằm pháp Tâm	
46	142220339	LÊ MINH	THÀNH	T14XDC	2			6.5		0	5		4.5	3.6	Ba pháp Sầu	
47	142220340	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	T14XDC	7			7		6.5	6.5		4	5.4	Nằm pháp Bấu	
48	142220341	LÊ VĂN	THÀNH	T14XDC	9			7		7	7.5		6.5	7.0	Báy	
49	142220342	VƯƠNG CÔNG	THÀNH	T14XDC	7			7		7	7		4	5.5	Nằm pháp Nằm	
50	142220343	NGÔ NGỌC	THIỆN	T14XDC	9			7		7.5	7		7	7.3	Báy pháp Ba	
51	142220344	HỒ VĂN	THIỆU	T14XDC	9			6		6	7		6	6.4	Sầu pháp Bấu	
52	142220345	MAI QUỐC	THỌ	T14XDC	9			7		7.5	7		7	7.3	Báy pháp Ba	
53	142220346	HOÀNG CHÍ	TIẾN	T14XDC	10			7.5		6	6.5		5	6.1	Sầu pháp Mất	
54	142220347	NGUYỄN VĂN	TRÍ	T14XDC	4.5			6.5		7	5.5		4	5.1	Nằm pháp Mất	
55	142220348	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	T14XDC	5			7		7	7		6.5	6.6	Sầu pháp Sầu	
56	142220349	NGUYỄN TÂN	TUÂN	T14XDC	10			8.5		9	6.5		7.5	8.1	Tâm pháp Mất	
57	142220350	NGUYỄN ANH	TUẤN	T14XDC	10			7.5		8	7		5.5	6.8	Sầu pháp Tâm	
58	142220351	NGUYỄN VĂN	TUẤN	T14XDC	9			7		8	7.5		7	7.5	Báy pháp Nằm	
59	142220352	TRẦN VĂN	TUÔNG	T14XDC	2			0		0	0		HP	0.0	Khăng	
60	142220353	NGÔ TÁ	VIỆT	T14XDC	10			7		7	7		5	6.3	Sầu pháp Ba	
61	142220354	NGUYỄN BÁ	VINH	T14XDC	7			6.5		7	4.5		4	5.2	Nằm pháp Hai	
62	142220356	NGUYỄN TRUNG	VƯƠNG	T14XDC	2			0		6.5	0		4	3.5	Ba pháp Nằm	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	50	81%	
2	Số sinh viên nợ	12	19%	
TỔNG CỘNG :		62	100%	

LÁNH ĐẠO

KIỂM TRA
(kyivàighi roihồttấn)

LA NH Ầ A Ô KHOA
(kyivàighi roihồttấn)

Đà Nẵng, ngày 5 tháng 3 năm 2010
PHÒNG ĐÀO TẠO
(kyivàighi roihồttấn)

Nguyễn Kim Ẩt

Trằng Vàn Tám

ThS. Huỳnh Ngồ Hà

Nguyễn Ấn